

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
BTC HỘI THI TUYỂN TRUYỀN
CCHC NĂM 2018

Số: 03 /BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Bình, ngày 31 tháng 5 năm 2018

V/v Ban hành bộ câu hỏi, đáp án phần
thi hiểu biết kiến thức của Hội thi
Tuyển truyền CCHC năm 2018

Kính gửi: UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện Kế hoạch số 450/KH-UBND ngày 02/4/2018 của UBND tỉnh về việc Tổ chức Hội thi Tuyển truyền cải cách hành chính tỉnh Quảng Bình năm 2018; Quyết định số 1301/QĐ-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban tổ chức Hội thi Tuyển truyền cải cách hành chính tỉnh Quảng Bình năm 2018; Quyết định số 44/QĐ-BTC ngày 02/5/2018 của Ban Tổ chức Hội thi về việc ban hành Thê lệ Hội thi Tuyển truyền CCHC tỉnh Quảng Bình năm 2018;

Sau khi tổng hợp từ tổ biên soạn câu hỏi được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ, Ban Tổ chức Hội thi đã rà soát, tổng hợp thành Bộ câu hỏi, đáp án phần thi kiến thức hiểu biết về CCHC; Bộ câu hỏi gồm 100 câu hỏi và đáp án. Ban Tổ chức Hội thi gửi đến các huyện, thị xã, thành phố triển khai cho các đội thi ôn luyện, tham gia thi đạt kết quả.

Trong quá trình ôn luyện nếu phát hiện nội dung câu hỏi, đáp án do Ban Tổ chức Hội thi đưa ra có vướng mắc cần trao đổi hoặc có ý kiến khác, đề nghị phản ánh về Ban Tổ chức Hội thi trước ngày 10/6/2018 (bằng văn bản hoặc qua số điện thoại 0232.3823868 phòng CCHC, Sở Nội vụ) để kịp thời xem xét điều chỉnh; quá thời hạn trên, Ban Tổ chức Hội thi không nhận được ý kiến phản ánh, kiến nghị, bộ câu hỏi, đáp án này sẽ chính thức được sử dụng để tổ chức các vòng thi cấp huyện và 2 vòng thi cấp tỉnh.

(Bộ câu hỏi phần thi kiến thức của Hội thi Tuyển truyền CCHC tỉnh Quảng Bình năm 2018 được gửi đến các huyện, thị xã, thành phố và đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Nội vụ).

Đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động triển khai thực hiện./.

Nơi nận:

- Như trên;
- Trưởng ban tổ chức HT (b/c);
- Các thành viên BTC Hội thi;
- Các thành viên tổ biên soạn câu hỏi;
- Lưu: VT, BTC hội thi.

TM. BAN TỔ CHỨC
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC



GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ
Trần Đình Đình



**BỘ CÂU HỎI PHẢN THI KIẾN THỨC HỘI THI TUYỂN TRUYỀN CCHC
CẤP XÃ TỈNH QUẢNG BÌNH NĂM 2018**

(Ban hành kèm theo Công văn số /BTC ngày / /2018 của BTC Hội thi)

I. VỀ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC (15 CÂU)

Câu 1. Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2011-2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ đề ra mấy mục tiêu và mấy nhiệm vụ?

Trả lời: 5 mục tiêu, 6 nhiệm vụ.

Câu 2. “Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức” là một trong những nhiệm vụ của Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2011-2020 của Chính phủ, đúng hay sai?

Trả lời: Đúng.

Câu 3. “Cải cách tư pháp” là một trong những nhiệm vụ của Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2011-2020 của Chính phủ, đúng hay sai?

Trả lời: Sai.

Câu 4. Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2011-2020 của Chính phủ đặt ra mục tiêu về sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước đến năm 2020 là như thế nào?

Trả lời: Đạt mức hài lòng trên 80%.

Câu 5. Ngày 06/5/2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình đã ban hành Quyết định số 1319/QĐ-UBND phê duyệt nội dung gì?

Trả lời: Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2016-2020.

Câu 6. Để thực hiện tốt công tác cải cách hành chính của tỉnh giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 1319/QĐ-UBND ngày 06/5/2016, tỉnh Quảng Bình đã đề ra mấy giải pháp thực hiện?

Trả lời: 6 giải pháp.

Câu 7. PAPI là tên viết tắt của Chỉ số gì hiện nay ở Việt Nam?

Trả lời: Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh.

Câu 8. Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) được đánh giá trên mấy nội dung? Nội dung thứ 3 là gì?

Trả lời:

- Có 6 nội dung.
- Trách nhiệm giải trình với người dân.

Câu 9. “Công khai, minh bạch” là một trục nội dung đánh giá thuộc Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), đúng hay sai?

Trả lời: Đúng.

Câu 10. Kể từ khi được đánh giá đến nay, Chỉ số PAPI của tỉnh Quảng Bình đã có mấy năm đứng thứ nhất trong toàn quốc? Đó là những năm nào?

Trả lời:

- Có 4 năm;
- 2011, 2012, 2013, 2017.

Câu 11. Dự án “Dân chăm điểm” tỉnh Quảng Bình đang triển khai đánh giá chất lượng dịch vụ công tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc cơ quan, tổ chức nào?

Trả lời: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Câu 12. Dự án “Dân chăm điểm” tỉnh Quảng Bình thực hiện khảo sát, thu thập thông tin từ người dân đánh giá chất lượng dịch vụ công bằng hình thức nào?

Trả lời: Phòng vấn qua điện thoại.

Câu 13. Theo quy định của Đề án xác định chỉ số cải cách hành chính tỉnh Quảng Bình hiện nay, Chỉ số cải cách hành chính cấp xã hiện nay được xác định trên mấy lĩnh vực, mấy tiêu chí, tiêu chí thành phần?

Trả lời: 8 lĩnh vực, 32 tiêu chí và 70 tiêu chí thành phần.

Câu 14. Theo quy định của Đề án xác định chỉ số cải cách hành chính tỉnh Quảng Bình hiện nay, Chỉ số cải cách hành chính cấp xã sau khi được xác định sẽ phân thành mấy loại? Là những loại gì?

Trả lời:

- Có 4 loại.
- Tốt, Khá, Trung bình, Yếu.

Câu 15. Theo quy định của Đề án xác định chỉ số cải cách hành chính tỉnh Quảng Bình hiện nay, để được xem xét bình xét các danh hiệu thi đua hàng năm thì đơn vị cấp xã phải được xếp loại gì về cải cách hành chính?

Trả lời: Được xếp loại Khá trở lên.

II. VỀ XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QPPL (10 CÂU)

Câu 1. Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Hội đồng nhân dân cấp xã có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật bằng hình thức Nghị quyết, quyết định đúng hay sai?

Trả lời: Sai

Câu 2. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND cấp xã như thế nào?

Trả lời: Không sớm hơn 07 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Câu 3. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định: trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng như thế nào?

Trả lời: Áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn.

Câu 4. Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 thì dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã do cơ quan nào thẩm tra?

Trả lời: Ban của Hội đồng nhân dân cùng cấp thẩm tra.

Câu 5. Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật bằng hình thức nào?

Trả lời: Quyết định.

Câu 6. Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Hội đồng nhân dân cấp xã có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật bằng hình thức nào?

Trả lời: Nghị quyết.

Câu 7. Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan nào ban hành?

Trả lời: HĐND và UBND cấp xã ban hành.

Câu 8. Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, ai là người có thẩm quyền ký chứng thực Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã?

Trả lời: Chủ tịch HĐND cấp xã.

Câu 9. Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tự kiểm tra văn

bản quy phạm pháp luật do cơ quan nào ban hành?

Trả lời: Văn bản QPPL do mình ban hành.

Câu 10. Dự thảo nghị quyết HĐND cấp xã được thông qua khi có bao nhiêu tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân biểu quyết tán thành?

Trả lời: Khi có quá nửa tổng số đại biểu biểu quyết tán thành.

III. VỀ CÁC QUY ĐỊNH XÂY DỰNG VĂN BẢN HÀNH CHÍNH (10 CÂU)

Câu 1. Hãy cho biết ngày, tháng, năm có hiệu lực của Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính?

Trả lời: Ngày 05/3/2011.

Câu 2. Phong chữ được sử dụng trình bày văn bản trên máy tính là phong chữ nào của bộ mã ký tự Unicode theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6909:2001?

Trả lời: Phong chữ tiếng Việt.

Câu 3. Khi viện dẫn lần đầu văn bản có liên quan, phải ghi đầy đủ tên loại, số, ký hiệu văn bản, ngày, tháng, năm ban hành văn bản, tên cơ quan, tổ chức ban hành văn bản, trích yếu nội dung văn bản (đối với luật và pháp lệnh chỉ ghi tên loại và tên của luật, pháp lệnh) đúng hay sai?

Trả lời: Đúng

Câu 4. Trong các văn bản sau, văn bản nào là văn bản hành chính: Nghị quyết về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; Nghị quyết miễn nhiệm Phó chủ tịch ủy ban nhân dân?

Trả lời: Nghị quyết miễn nhiệm Phó chủ tịch UBND.

Câu 5. Quốc hiệu ghi trên văn bản hành chính nhà nước bao gồm dòng chữ: “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM” được trình bày cỡ chữ, kiểu chữ như thế nào?

Trả lời: Cỡ chữ từ 12 đến 13, kiểu chữ đứng, in đậm.

Câu 6. Ký hiệu của Quyết định cá biệt do UBND cấp xã ban hành bao gồm chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành Quyết định và chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo hoặc chủ trì soạn thảo Quyết định đó (nếu có) đúng hay sai?

Trả lời: Đúng.

Câu 7. Anh, chị hãy cho biết ở cơ quan, tổ chức làm việc theo chế độ Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, tổ chức có được ký tắt các văn bản hành chính của cơ quan, tổ chức mình không? Nếu có, thì được quy định tại điều khoản nào?

Trả lời: Có. Khoản 6, Điều 1 Nghị định số 09/2010/NĐ-CP.

Câu 8. Anh, chị hãy cho biết ngày, tháng, năm có hiệu lực của Nghị định số 110/2004/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2004 của Chính phủ về công tác văn thư?

Trả lời: Kể từ ngày 02/5/2004

Câu 9. Anh, chị hãy cho biết ngày, tháng, năm có hiệu lực của Nghị định số 09/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 2 năm 2010 của Chính phủ về công tác văn thư?

Trả lời: Kể từ ngày 01/4/2010.

Câu 10. Anh, chị hãy cho biết theo quy định thì cơ quan nào có thẩm quyền hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính?

Trả lời: Bộ Nội vụ

IV. VỀ LĨNH VỰC CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ; DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ XÃ PHƯỜNG, THỊ TRẤN, LUẬT TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VÀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH (25 CÂU)

1. Lĩnh vực cán bộ, công chức

Câu 1: Luật cán bộ, công chức đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày, tháng, năm nào? Và có hiệu lực từ ngày, tháng, năm nào?

Trả lời: Thông qua ngày 13/11/2008; có hiệu lực ngày 01/01/2010.

Câu 2. Hãy nêu đạo đức của cán bộ, công chức được quy định tại Luật cán bộ, công chức?

Trả lời: Phải thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư trong hoạt động công vụ.

Câu 3: Khi thi hành công vụ, cán bộ, công chức không phải mang phù hiệu hoặc thẻ công chức. Đúng hay sai?

Trả lời: Sai

Câu 4: Anh, chị hãy nêu nguyên tắc thứ 3 trong thi hành công vụ theo quy định của Luật cán bộ, công chức?

Trả lời: Công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền và có sự kiểm tra, giám sát.

Câu 5. Cán bộ, công chức cấp xã khi giữ chức vụ được hưởng lương và chế độ bảo hiểm; khi thôi giữ chức vụ, nếu đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật được xem xét chuyển thành công chức, trong trường hợp này, không được miễn chế độ tập sự và hưởng chế độ, chính sách liên tục. Đúng hay sai?;

Trả lời: Sai

Câu 6: Theo Luật cán bộ, công chức, thời hiệu xử lý kỷ luật đối với công chức kể từ thời điểm có hành vi vi phạm?

Trả lời: Thời hiệu xử lý kỷ luật là 24 tháng

Câu 7. Theo Luật cán bộ, công chức, Phó chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp xã có phải là chức danh cán bộ cấp xã không?

Trả lời: Không phải

Câu 8. Theo Luật cán bộ, công chức, Công chức cấp xã có mấy chức danh?

Trả lời: Có 7 chức danh

2. Luật tổ chức chính quyền địa phương

Câu 9. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, chậm nhất là bao nhiêu ngày trước khi HĐND hết nhiệm kỳ, HĐND khóa mới phải được bầu xong?

Trả lời: Chậm nhất là 45 ngày

Câu 10. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu bổ sung bắt đầu làm nhiệm vụ đại biểu từ ngày khai mạc kỳ họp tiếp sau cuộc bầu cử bổ sung cho đến khi nào?

Trả lời: Đến ngày khai mạc kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân khóa sau.

Câu 11. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, UBND cấp xã loại II có mấy Phó Chủ tịch?

Trả lời: Không quá một Phó Chủ tịch

Câu 12. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, UBND huyện loại III có mấy Phó Chủ tịch?

Trả lời: Không quá hai Phó Chủ tịch

Câu 13. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, quy định ít nhất mỗi quý Chủ tịch HĐND phải bố trí thời gian bao nhiêu ngày để trực tiếp tiếp công dân?

Trả lời: Thời gian ít nhất 01 ngày

Câu 14. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, quy định UBND họp thường kỳ mỗi tháng mấy lần ?

Trả lời: UBND họp thường kỳ mỗi tháng một lần

3. Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Câu 15. Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn được ban hành vào ngày tháng năm nào và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm nào?

Trả lời:

- Ban hành ngày 20 tháng 4 năm 2007

- Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2007

Câu 16. Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/04/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn quy định có 11 nội dung công khai để dân biết. Anh (chị) hãy nêu nội dung công khai thứ 3?

Trả lời:

Nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức cấp xã trực tiếp giải quyết các công việc của nhân dân.

Câu 17. Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/04/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn quy định có bao nhiêu nội dung công khai để nhân dân biết?

Trả lời: Có 11 nội dung

Câu 18. Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/04/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn quy định có bao nhiêu nội dung nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định?

Trả lời: Có 5 nội dung

Câu 19. Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp về chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng trong phạm vi cấp xã, thôn, tổ dân phố do nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí và các công việc khác trong nội bộ cộng đồng dân cư phù hợp với quy định của pháp luật. Đúng hay sai?

Trả lời: Đúng

Câu 20. Theo Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/04/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, nhân dân bàn và quyết định trực tiếp “Hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố” Đúng hay sai?

Trả lời: Sai

Câu 21. Theo Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/04/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, nhân dân bàn và biểu quyết “Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố” Đúng hay sai?

Trả lời: Đúng

Câu 22. Theo Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/04/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đối tượng, mức thu các loại phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác do chính quyền cấp xã trực tiếp thu được công khai bằng hình thức niêm yết tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã, thời gian niêm yết ít nhất là bao nhiêu ngày?

Trả lời: Ít nhất là ba mươi ngày liên tục, kể từ ngày niêm yết.

Câu 23. Trong mỗi nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã UBND mấy lần?

Trả lời: Hai năm một lần

Câu 24. Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập quy định có mấy việc phải công khai để cán bộ, công chức, viên chức được biết?

Trả lời: Có 9 việc phải công khai

Câu 25. Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập quy định có 09 việc phải công khai để cán bộ, công chức, viên chức được biết. Nội dung thứ 7 phải công khai là gì?

Trả lời: Các nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị

V. VỀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC (10 CÂU)

Câu 1. “Ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông” thuộc nội dung nhiệm vụ nào trong Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 của Chính phủ?

Trả lời: Hiện đại hóa hành chính.

Câu 2. Theo mục tiêu của Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 của Chính phủ, đến năm 2020, hầu hết các dịch vụ công trực tuyến của Chính phủ được cung cấp ở mức độ nào?

Trả lời: Mức độ 3 và 4.

Câu 3. Theo Nghị định số 43/2011/NĐ-CP của Chính phủ, dịch vụ công trực tuyến được hiểu là dịch vụ hành chính công và các dịch vụ khác của cơ quan nhà nước được cung cấp trên môi trường mạng, có bao nhiêu mức độ?

Trả lời: 4 (04) mức độ.

Câu 4. Theo Nghị định số 43/2011/NĐ-CP của Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh được tích hợp thông tin dịch vụ công trực tuyến của cơ quan chuyên môn trực thuộc và cơ quan nào?

Trả lời: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Câu 5. Nghị định số 43/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định tên miền truy cập công thông tin điện tử của cơ quan nhà nước phải sử dụng loại tên miền nào?

Trả lời: Tên miền quốc gia Việt Nam.

Câu 6. Trong Bộ tiêu chí đánh giá mức độ Chính quyền điện tử cấp xã và cấp huyện, nhóm tiêu chí đánh giá môi trường chính sách về ứng dụng công nghệ thông tin thuộc hạng mục nào?

Trả lời: Đánh giá điều kiện sẵn sàng Chính quyền điện tử.

Câu 7. Trong Bộ tiêu chí đánh giá mức độ Chính quyền điện tử cấp xã và cấp huyện, các nhóm tiêu chí đánh giá mức độ hiện diện, tương tác, giao dịch và chuyển đổi thuộc hạng mục nào?

Trả lời: Đánh giá kết quả Chính quyền điện tử.

Câu 8. Trong Bộ tiêu chí đánh giá mức độ Chính quyền điện tử cấp xã và cấp huyện, tiêu chí về kết nối internet băng rộng hoặc mạng truyền số liệu chuyên dùng thuộc nhóm tiêu chí nào?

Trả lời: Cơ sở hạ tầng thông tin.

Câu 9. Trong Bộ tiêu chí đánh giá mức độ Chính quyền điện tử cấp xã và cấp huyện, các tiêu chí về ứng dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành thuộc nhóm tiêu chí nào?

Trả lời: Đánh giá mức độ tương tác.

Câu 10. Trong Bộ tiêu chí đánh giá mức độ Chính quyền điện tử cấp xã, tiêu chí về tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3/tổng số thủ tục hành chính cấp xã thuộc nhóm tiêu chí nào?

Trả lời: Đánh giá mức độ giao dịch.

VI. VỀ QUY ĐỊNH VIỆC TIẾP NHẬN HỒ SƠ, TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH QUA DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH (10 CÂU)

Câu 1. Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ nào?

Trả lời: Dịch vụ bưu chính công ích.

Câu 2. Theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, việc nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của tổ chức, cá nhân được thực hiện tại các điểm phục vụ bưu chính hoặc tại đâu?

Trả lời: Tại địa chỉ theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

Câu 3. Theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, khi hoàn thành giải quyết thủ tục hành chính, cơ quan có thẩm quyền phải đăng tải công khai kết quả giải quyết ở đâu?

Trả lời: Trên trang thông tin điện tử.

Câu 4. Theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, trường hợp tổ chức, cá nhân không thể trực tiếp nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ nhân viên bưu chính thì có thể làm gì?

Trả lời: Ủy quyền cho người khác.

Câu 5. Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định giá cước dịch vụ phải được công khai trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích và tại đâu?

Trả lời: Điểm phục vụ bưu chính.

Câu 6. Theo Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông, dịch vụ nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính từ tổ chức, cá nhân để vận chuyển và phát tới cơ quan có thẩm quyền được gọi là dịch vụ gì?

Trả lời: Dịch vụ nhận gửi hồ sơ.

Câu 7. Theo Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông, dịch vụ nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ cơ quan có thẩm quyền để vận chuyển và phát tới tổ chức, cá nhân được gọi là dịch vụ gì?

Trả lời: Dịch vụ chuyển trả kết quả.

Câu 8. Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định thời hiệu khiếu nại đối với dịch vụ nhận gửi hồ sơ, chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính như thế nào?

Trả lời: 6 (06) tháng, kể từ ngày kết thúc thời gian toàn trình.

Câu 9. Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định thời hạn giải quyết khiếu nại đối với dịch vụ nhận gửi hồ sơ, chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính phạm vi nội tỉnh như thế nào?

Trả lời: Tối đa 5 (05) ngày làm việc.

Câu 10. Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định thời hạn giải quyết khiếu nại đối với dịch vụ nhận gửi hồ sơ, chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính phạm vi liên tỉnh như thế nào?

Trả lời: Tối đa 7 (07) ngày làm việc.

VII. VỀ CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (20 CÂU)

Câu 1. Thủ tục hành chính là trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ và yêu cầu, điều kiện do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quy định để giải quyết một công việc cụ thể liên quan đến cá nhân, tổ chức. Đúng hay sai?

Trả lời: Đúng.

Câu 2. Kiểm soát thủ tục hành chính là việc xem xét, đánh giá, theo dõi nhằm bảo đảm tính khả thi của quy định về thủ tục hành chính, đáp ứng yêu cầu công khai, minh bạch trong quá trình tổ chức thực hiện thủ tục hành chính. Đúng hay sai?

Trả lời: Đúng.

Câu 3. Chỉ có cán bộ đầu mối hay tất cả công chức, viên chức khi tham gia thực hiện thủ tục hành chính đều có thẩm quyền và trách nhiệm trong việc thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính?

Trả lời: Tất cả công chức, viên chức.

Câu 4. Quy định về thủ tục hành chính phải được ban hành dưới hình thức văn bản nào?

Trả lời: Hình thức văn bản quy phạm pháp luật.

Câu 5. Các sở, ban, ngành chuyên môn và UBND cấp huyện, cấp xã có thể tự ban hành thêm một số quy định để hướng dẫn cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục hành chính được không?

Trả lời: Không.

Câu 6. Cơ quan nào có trách nhiệm xây dựng quyết định công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của 03 cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh?

Trả lời: Các cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh.

Câu 7. Các cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ trực tiếp tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính và các cơ quan, tổ chức được cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền ủy quyền thực hiện dịch vụ công đều có trách nhiệm công khai thủ tục hành chính tại trụ sở cơ quan, đơn vị mình. Đúng hay sai?

Trả lời: Đúng.

Câu 8. Cơ quan nào có trách nhiệm giúp UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh tiếp nhận các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh?

Trả lời: Văn phòng UBND tỉnh.

Câu 9. Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý và trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân và doanh nghiệp trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ có địa chỉ như thế nào?

Trả lời: nguoidan.chinhphu.vn và doanhnghiep.chinhphu.vn.

Câu 10. Mục đích của công tác rà soát, đánh giá thủ tục hành chính là để kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ những quy định pháp luật về thủ tục hành chính không cần thiết, không hợp lý, không hợp pháp. Đúng hay sai?

Trả lời: Đúng.

Câu 11. Thủ tục hành chính và các văn bản, biểu mẫu có liên quan được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh có giá trị như thế nào về mặt pháp lý?

Trả lời: Có giá trị thi hành và được bảo đảm thi hành.

Câu 12. Cơ chế một cửa là phương thức tiếp nhận hồ sơ, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, theo dõi, giám sát, đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân của một cơ quan có thẩm quyền thông qua Bộ phận Một cửa. Đúng hay sai?

Trả lời: Đúng.

Câu 13. Cơ chế một cửa liên thông là phương thức phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong tiếp nhận hồ sơ, giải quyết và trả kết quả giải quyết một thủ tục hành chính hoặc một nhóm thủ tục hành chính có liên quan với nhau, theo dõi, giám sát, đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân thông qua Bộ phận Một cửa. Đúng hay sai?

Trả lời: Đúng.

Câu 14. Bộ phận Một cửa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết hoặc chuyển hồ sơ giải quyết, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, theo dõi, giám sát, đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân. Đúng hay sai?

Trả lời: Đúng.

Câu 15. Tất cả các thủ tục hành chính hay chỉ có những thủ tục hành chính thực hiện tại Bộ phận Một cửa các cấp và Trung tâm Hành chính công của tỉnh mới phải thực hiện cập nhật thông tin về tình hình tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả lên Hệ thống thông tin một cửa điện tử?

Trả lời: Tất cả các thủ tục hành chính.

Câu 16. Đối với trường hợp thủ tục hành chính được tổ chức thực hiện lưu động theo quy định của pháp luật không thể thực hiện tiếp nhận tại Bộ phận Một

cửa thì không cần phải áp dụng quy trình theo dõi việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Đúng hay sai?

Trả lời: Sai.

Câu 17. Đối với hồ sơ qua thẩm tra, thẩm định chưa đủ điều kiện giải quyết, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính trả lại hồ sơ phải kèm theo thông báo bằng văn bản, có nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung theo mẫu Phiếu quy định để gửi cho cá nhân, tổ chức thông qua Bộ phận Một cửa. Đúng hay sai?

Trả lời: Đúng.

Câu 18. Đối với hồ sơ thủ tục hành chính qua thẩm tra, thẩm định chưa đủ điều kiện giải quyết, nếu pháp luật chuyên ngành không quy định cụ thể về thời gian thẩm tra, thẩm định thì thời hạn thông báo trả lại hồ sơ bằng văn bản cho cá nhân, tổ chức là bao nhiêu ngày?

Trả lời: Không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

Câu 19. Đối với hồ sơ quá hạn giải quyết, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính phải gửi văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân thông qua Bộ phận Một cửa, trong đó ghi rõ lý do quá hạn, thời gian đề nghị gia hạn trả kết quả theo mẫu Phiếu quy định. Đúng hay sai?

Trả lời: Đúng.

Câu 20. Cách thức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thủ tục hành chính hiện nay đang được thực hiện cải cách theo hướng áp dụng các hình thức chủ yếu nào sau đây: Bộ phận Một cửa, Dịch vụ công trực tuyến và Dịch vụ bưu chính công ích?

Trả lời: Cả 03 hình thức.

